TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦ THỪA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2023
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA, TỈNH LONG AN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phong
2. Ông Trần Văn Nhị

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp "ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Lê Văn N trình bày: Do mai mối nên ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị H tự nguyện đến với nhau, có tổ chức đám cưới năm 1993 nhưng đến năm 2005 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L huyện T tỉnh Long An vào ngày 19/7/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H tự ý vay tiền lãi cao ông N phải gánh trả hết và tham gia nhiều dây hụi nhưng bà H tự ý hốt hết không thông báo cho ông N biết nên cuộc sống hôn nhân không đầm ấm. Vợ chồng cự cãi nên bà H tự ý bỏ về nhà cha mẹ bà ở xã Mỹ Phú huyện Thủ Thừa sống từ tháng 5/2022 đến nay. Từ

khi sống ly thân đến nay hai bên cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm, mạnh ai nấy sống, không còn quan tăm chăm sóc nhau.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ông N kiên quyết yêu cầu được ly hôn với bà H.

Quan hệ con chung: có 04 con chung gồm Lê Hoàng Y K sinh năm 1994, Lê Hoàng Khương sinh năm 2001, Lê Hoàng Y sinh năm 2003 các con đã trưởng thành và Lê Thị Hoàng T sinh ngày 03/8/2005 đang do ông N chăm sóc. Khi ly hôn ông N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Hoàng T, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày: Bà H thống nhất với phần trình bày của ông N về thời gian cưới, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Bà H không đồng ý ly hôn với ông N vì vẫn còn yêu thương ông N. Quá trình chung sống giữa bà H ông N có phát sinh mẫu thuẫn nguyên nhân là do kinh tế gia đình thiếu hụt bà H phải vay tiền bên ngoài để lo cho cuộc sống gia đình, chăm sóc các con nhưng ông N phản đối cho rằng bà H tự ý vay tiền không thông báo cho ông N biết, từ đó bà H và ông N phát sinh cự cãi, bà H bỏ về nhà cha mẹ ở xã Mỹ Phú sinh sống từ tháng 5/2022 cho đến nay và sống ly thân. Sau khi ly thân thì ông N không có động thái hàn gắn tình cảm với bà H, từ đó vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai nấy sống, nay bà H xác định còn tình cảm với ông N nên muốn hàn gắn để cùng nhau chăm các con.

Quan hệ con chung: có 04 con chung gồm Lê Hoàng Y K sinh năm 1994, Lê Hoàng Khương sinh năm 2001, Lê Hoàng Y sinh năm 2003 các con đã trưởng thành và Lê Thị Hoàng T sinh ngày 03/8/2005 đang do ông N chăm sóc. Trường hợp Tòa án cho ly hôn thì bà H đồng ý giao con chung chưa thành niên cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không cấp dưỡng nuôi con.

Quan hệ tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan hệ nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà H không đồng ý ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị H có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Nay ông Lê Văn N yêu cầu ly hôn, bà H đang cư trú tại ấp 3, xã L, huyện T, nên Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, ông N và bà H xác định ông bà đã xảy ra mâu thuẫn do vấn đề tiền bạc. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay. Nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân ông N và bà H đã phát sinh mâu thuẫn nhỏ do vấn đề tiền bạc. Từ những mâu thuẫn đó do không được giải quyết dứt điểm nên mâu thuẫn trở nên trầm trọng; hậu quả vợ chồng không còn sống chung, không còn yêu thương quan tâm chăm sóc nhau, mạnh ai đó sống. Tòa án tiến hành hòa giải cho ông N bà H trở về đoàn tụ đồng thời cho thêm thời gian để ông bà khắc phục tình trạng hôn nhân của mình, song cả hai không khắc phục được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không còn quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của ông N là phù hợp với Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy cháu Lê Thị Hoàng T còn nhỏ hiện đang do ông N trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Trúc có nguyên vọng muốn sống chung với ông N. Bà H đồng ý. Do đó giao cháu Trúc cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông N không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với các cháu Lê Hoàng Y K, Lê Hoàng Khương, Lê Hoàng Y Khoa, đã trường thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N đối với bà Huỳnh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn N được ly hôn với bà Huỳnh Thị H.

Về con chung: Giao ông Lê Văn N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thị Hoàng T sinh ngày 03/8/2005 đến khi đủ 18 tuổi.

Mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng bà H được quyền thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Án phí: Ông Lê Văn N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003924 ngày 16/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủ Thừa sang án phí. Ông Lê Văn N không phải nộp thêm án phí.

3. Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt không đồng ý thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thủ Thừa;
- Chi cục THADS huyện Thủ Thừa;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Thạnh
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hương